

Bản án số: **140/2019/HC-PT**

Ngày 23 tháng 8 năm 2019

V/v: “*Kiến quyết định hành chính
về thu hồi, bồi thường khi nhà
nước thu hồi đất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên .

Vào ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 34/2018/TLPT-HC ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Kiến quyết định hành chính về thu hồi, bồi thường khi nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2018/HC-ST ngày 10-10-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông **Nguyễn Văn L**; địa chỉ: 25/4 Đường Y, phường E, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

1.2. Ông **Bùi Thanh T**. Có mặt.

1.3. Bà **Nguyễn Thị Mộng Th**. Vắng mặt.

1.4. Ông **Nguyễn Kế C**. Vắng mặt.

1.5. Ông **Nguyễn Kế P**. Vắng mặt.

1.6. Ông **Nguyễn Kế Th1**. Có mặt.

1.7. Ông **Huỳnh M**. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà **Phạm Thị Bích C3**; địa chỉ: 02 đường N, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông **Phan Ngọc N1** - Văn phòng luật sư Thanh N1 thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 02 đường N, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 01 đường L, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lưu Văn K** - Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt (văn bản số 3473/UBND-VP ngày 15/8/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Phạm Văn Th2** - Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Trần Thị Bạch C1**

3.2. Bà **Huỳnh Kim C2**

3.3. Bà **Nguyễn Thị V**

3.4. Bà **Huỳnh Thị N2**

3.5. Ông **Phan Thanh T3**

3.6. Bà **Nguyễn Thị B1**

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.7. Bà **Bùi Thị H1**; địa chỉ: 25/4 Đường Y, phường E, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan này vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà **Phạm Thị Bích C3** là người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Kế Th1, ông Nguyễn Kế P, ông Nguyễn Kế C, bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Bùi Thanh T, ông Huỳnh M, ông Nguyễn Văn L và người đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị Bích C3 trình bày:

Năm 1984, ông Nguyễn Kế Th1 khai hoang 01 lô đất diện tích khoảng 7.000m², tại tổ dân phố 7, phường T1, thị xã B (nay thành phố B), sau đó tách thành các thửa gồm: Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 81, diện tích 3.399,5m²; thửa đất số 74 tờ bản đồ số 80, diện tích 915,5m²; thửa số 45, tờ bản đồ số 80, diện tích 1.353m²; thửa số 55, tờ bản đồ số 80 diện tích 1.118,4m². Sau khi khai hoang, gia đình ông Th1 đã trồng cà phê, cây ăn trái và xây dựng nhà ở kiên cố trên diện tích đất ổn định hơn 30 năm nay. Sau đó, do cần đất để canh tác nên ông Th1 cho các con là bà Nguyễn Thị Mộng Th thừa đất số 74, tờ bản đồ số 80, diện tích 915,5m², cho ông Nguyễn Kế P thừa số 45, tờ bản đồ số 80, diện tích 1.353m², cho ông Nguyễn Kế C thừa số 55, tờ bản đồ số 80 diện tích 1.118,4m².

Năm 1995, gia đình ông Bùi Thanh T có nhận chuyển nhượng 01 lô đất diện tích 1.137,8m², tại tổ dân phố 7, Thành phố B, nay là thửa đất số 44-1, tờ

bản đồ số 80 diện tích 1.137,8m² của ông Đinh Văn C4 (đất này được ông C4 khai hoang năm 1983). Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông T đã trồng cà phê, cây ăn trái trên diện tích đất ổn định hơn 20 năm nay.

Năm 1986, gia đình ông Huỳnh M khai hoang 01 lô đất diện tích khoảng hơn 1.439m², tại tổ dân phố 7, phường T1, thị xã B (nay là Thành phố B). Nay là thửa đất số 45-1, tờ bản đồ số 80. Sau khi khai hoang, gia đình ông M đã trồng cà phê, cây ăn trái và sinh sống ổn định hơn 30 năm nay.

Ngày 21/8/1995, gia đình ông Nguyễn Văn L có nhận chuyển nhượng 01 lô đất diện tích 432,7m², tại tổ dân phố 7, phường T1, thị xã B (nay Thành phố B), nay thửa 197, tờ bản đồ số 81, diện tích 432,7m² của bà Mai Thị V1, trước đó bà Mai Thị V1 chuyển nhượng lại của ông Trần Hữu L1 (đất này của ông L1 khai hoang năm 1984). Sau khi nhận chuyển nhượng ông L đã trồng cà phê, cây ăn trái trên diện tích đất này hơn 20 năm nay.

Quá trình sử dụng các diện tích đất trên, gia đình ông Th1, ông C, ông P, bà Th, ông T, ông M, ông L luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng đất, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào xử phạt vi phạm về lĩnh vực quản lý đất đai.

Cùng ngày 17/10/2017 Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành Quyết định số 5745/QĐ-UBND thu hồi diện tích 915,5m², thuộc thửa đất số 74 của bà Th, ban hành Quyết định số 5746/QĐ-UBND thu hồi diện tích 1.118,4m², thuộc thửa đất số 55 của ông Nguyễn Kế C, ban hành Quyết định số 5728/QĐ-UBND thu hồi diện tích 3.399,5m², thuộc thửa đất số 163 của ông Nguyễn Kế Th1, ban hành Quyết định số 5747/QĐ-UBND thu hồi diện tích 1.353m², thuộc thửa đất số 45 của ông Nguyễn Kế P, ban hành Quyết định số 5742/QĐ-UBND thu hồi diện tích 1.137,8m², thuộc thửa đất số 44-1, tờ bản đồ số 80 của ông Bùi Thanh T; ban hành Quyết định số 5744/QĐ-UBND thu hồi diện tích 1.439m², thuộc thửa đất số 45-1, tờ bản đồ số 80 của ông Huỳnh M; ban hành Quyết định số 5719/QĐ-UBND thu hồi diện tích 432,7m², thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 81 của ông Nguyễn Văn L để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 7, phường T1 và ban hành Quyết định số 5758/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, Ủy ban nhân dân thành phố B xác định chỉ bồi thường tài sản trên đất mà không bồi thường đất khi nhà nước thu hồi, với lý do “Nguồn gốc đất này do Sư đoàn X1 quản lý”. Tại Quyết định số 1677 ngày 09/7/1999 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thu hồi và giao cho Ủy ban nhân dân thành phố B quản lý sử dụng”.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố B căn cứ vào Quyết định số 1667 ngày 09/7/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk để ban hành các quyết định số: 5745/QĐ-UBND, số: 5746/QĐ-UBND, số: 5747/QĐ-UBND, số: 5728/QĐ-UBND, số: 5742/QĐ-UBND, số: 5744/QĐ-UBND, số: 5719/QĐ-UBND cùng ngày 17/10/2017 thu hồi đất của ông Th1, bà Th, ông P, ông C, ông T, ông M,

ông L và không bồi thường khi nhà nước thu hồi đất là không đúng và gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của họ. Vì vậy, họ đề nghị Tòa án tuyên hủy các Quyết định thu hồi đất số: 5745/QĐ-UBND, số: 5746/QĐ-UBND, số: 5747/QĐ-UBND, số: 5728/QĐ-UBND, số: 5742/QĐ-UBND, số: 5744/QĐ-UBND, số: 5719/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5758/QĐ-UBND cùng ngày 17/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Ông Lưu Văn Khôi là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B trình bày:

Ngày 21/06/1988, Bộ Quốc phòng - Binh đoàn X2 có Quyết định số 321/A- CB5 cho thành lập khu tập thể gia đình quân nhân ở Sư đoàn X1 (kèm theo bản đồ chi tiết). Ngày 23/4/1991 Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành Quyết định của Tổng tham mưu về vị trí đóng quân của Sư đoàn X1 Binh đoàn X2 (có kèm sơ đồ). Ngày 07/6/1997, Binh đoàn X2, Sư đoàn X1 có biên bản số 338/BB về việc tạm thời bàn giao đất Quốc phòng cho địa phương quản lý (có sơ đồ kèm theo). Ngày 25/12/1998, Bộ Quốc phòng có Công văn số 4063/QP v/v giao đất Quốc phòng cho UBND tỉnh Đắk Lắk (có sơ đồ kèm theo). Ngày 29/03/1999, Chính phủ ban hành Quyết định số 354/GĐ-TTg về việc thu hồi đất Quốc phòng tại tỉnh Đắk Lắk. Ngày 12/04/1999 Bộ Quốc phòng có Công văn số 206/TCT-HC về việc bàn giao đất Quốc phòng cho địa phương; Đến ngày 09/07/1999 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1667/QĐ-UB về việc giao 85.407m² quyền sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân thành phố B và phường T1 quản lý (có sơ đồ kèm theo). Ngày 03/08/2015, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 3817/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án: XD CSHT khu đất tại Tổ dân phố 7, phường T1, thành phố B. Thực hiện Quyết định phê duyệt Dự án, ngày 21/6/2016 Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T1 tổ chức họp các hộ dân có đất bị thu hồi thông qua chủ trương, chính sách liên quan đến công tác bồi thường giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng Dự án.

Ngày 08/07/2016, Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trong phạm vi thu hồi đất thực hiện kê khai về đất, tài sản gắn liền với đất, đồng thời phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T1 thực hiện kiểm kê đất đai và tài sản gắn liền với đất của các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất. Sau đó tiến hành lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ, trong đó có hộ ông Nguyễn Kế P, ông Nguyễn Kế Th1, ông Nguyễn Kế C, bà Nguyễn Thị Mộng Thúy, ông Bùi Thanh T, ông Huỳnh M, ông Nguyễn Văn L. Ngày 28/06/2017 tổ chức niêm yết công khai phương án dự thảo tại Ủy ban nhân dân phường T1 và phát đến từng hộ dân để lấy ý kiến của các hộ.

Đối với trường hợp của ông Nguyễn Kế Th1, bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Nguyễn Kế P, ông Nguyễn Kế C, ông Nguyễn Văn L; ông Huỳnh M; ông Bùi Thanh T:

Về nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Kế Th1, bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Nguyễn Kế P, ông Nguyễn Kế C: Năm 1991 ông Nguyễn Kế Th1 lần chiếm đất của Sư đoàn X1. Đến năm 2010 ông Th1 cho bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Nguyễn Kế C, ông Nguyễn Kế P một phần diện tích đất sử dụng.

Về nguồn gốc đất của hộ ông Bùi Thanh T: Đất của Sư đoàn X1 quản lý, năm 1991 ông Đinh Văn C4 lần chiếm đất sử dụng. Đến năm 1995 ông C4 chuyển nhượng lại một phần diện tích đất cho ông Bùi Thanh T sử dụng.

Về nguồn gốc đất của hộ ông Nguyễn Văn L: Đất của Sư đoàn X1 quản lý. Năm 1991 ông Trần Hữu L1 lần chiếm đất sử dụng. Đến năm 1995 ông L1 chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho bà Mai Thị V1, ngày 21/8/1995 bà V1 chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông L sử dụng.

Về nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Huỳnh M là: Đất của Sư đoàn X1 quản lý. Năm 1991 ông Huỳnh M lần chiếm đất sử dụng cho đến nay.

Ngày 29/3/1999 Thủ tướng chính phủ đã thu hồi tại Quyết định số 354 ngày 29/3/1999 và giao địa phương quản lý. Ngày 09/07/1999 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1667/QĐ-UB về việc giao quyền sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân thành phố B và phường T1 quản lý. Vậy, đất của các hộ ông Nguyễn Kế Th1, bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Nguyễn Kế C, ông Nguyễn Kế P, ông Bùi Thanh T, ông Huỳnh M, ông Nguyễn Văn L đang sử dụng thuộc khu vực đất của Sư đoàn X1 quản lý.

Căn cứ tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 64, Luật đất đai năm 2013 quy định về thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai: “Đất được Nhà nước giao đất để quản lý mà để bị lấn chiếm”.

Căn cứ Khoản 3, Điều 82, Luật đất đai 2013 quy định các trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: “Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1, Điều 65 của luật này”.

Do đó, theo quy định trên thì đất của hộ ông Nguyễn Kế Th1, bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Nguyễn Kế C, ông Nguyễn Kế P, ông Bùi Thanh T, ông Huỳnh M, ông Nguyễn Văn L thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất.

Như vậy, việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Nguyễn Kế Th1, ông Nguyễn Kế C, ông Nguyễn Kế P, ông Bùi Thanh T, ông Huỳnh M, ông Nguyễn Văn L khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất Tổ dân phố 7, phường T1, thành phố B là đúng theo các quy định hiện hành.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 5745/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Mộng Th, ban hành Quyết định số 5746/QĐ-UBND thu hồi đất của ông Nguyễn Kế C, ban hành Quyết định số 5728/QĐ-UBND thu hồi đất của ông Nguyễn Kế Th1, ban hành Quyết định số 5747/QĐ-UBND thu hồi đất của ông Nguyễn Kế P, ban hành Quyết định số: 5742/QĐ-UBND thu hồi đất của ông Bùi Thanh T, ban hành Quyết định số: 5744/QĐ-UBND thu hồi đất của ông Huỳnh M, ban hành Quyết định số: 5719/QĐ-UBND thu hồi đất của ông Nguyễn Văn L để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 7, phường T1 và ban hành Quyết định số 5758/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường là đúng trình tự và quy định của pháp luật hiện hành. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Nguyễn Kế Th1, ông Nguyễn Kế C, ông Nguyễn Kế P, ông Bùi Thanh T, ông Huỳnh M, ông Nguyễn Văn L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Trần Thị Bạch C1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Bùi Thanh T và không bổ sung gì thêm.

Bà Huỳnh Kim C2 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Huỳnh M và không bổ sung gì thêm.

Bà Nguyễn Thị V trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Kế P và không bổ sung gì thêm.

Bà Huỳnh Thị N2 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Kế Th1 và không bổ sung gì thêm.

Ông Phan Thanh T3 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị Mộng Th và không bổ sung gì thêm.

Bà Nguyễn Thị B1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Kế C và không bổ sung gì thêm.

Đối với bà Bùi Thị H1 là vợ ông Nguyễn Văn L Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương đến nhà làm việc với bà H1 nhưng bà H1 không có mặt tại địa phương vì đi chữa bệnh nên không thể ghi lời khai của bà H1 được.

Người làm chứng trình bày:

- *Ông Đinh Văn C4 trình bày:* Năm 1985 tôi khai hoang diện tích đất khoảng 3.700m² tại tổ dân phố 7, phường T1, thành phố B. Sau khi khai hoang tôi trồng ngô và các loại hoa màu. Đến năm 1990 tôi chuyển qua trồng cà phê. Trong quá trình sử dụng đến năm 1997 tôi có sang nhượng cho ông Bùi Thanh T khoảng hơn 01 sào.

- *Ông Nguyễn Xuân Th3 trình bày:* Diện tích đất 150m² mà gia đình ông đang sử dụng có nguồn gốc ông chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T4 là cán bộ Sư đoàn X1, nguồn gốc đất của ông T được Sư đoàn X1 cấp đất cho Quân

nhân, sau khi chuyển nhượng gia đình ông đã sử dụng ổn định và không có tranh chấp.

- Ông Nguyễn Văn B2 trình bày: Đất mà gia đình ông đang sử dụng có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn T4 là cán bộ Sư đoàn X1, nguồn gốc đất của ông T được Sư đoàn X1 cấp đất cho Quân nhân, sau đó ông T chuyển nhượng cho gia đình ông và gia đình ông sử dụng ổn định và không có tranh chấp.

- Ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày: Đất mà gia đình ông đang sử dụng có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn B2 là bộ đội nghỉ hưu, nguồn gốc đất của ông B2 được Sư đoàn X1 cấp, sau đó ông B2 chuyển nhượng cho gia đình ông, ông sử dụng ổn định và không có tranh chấp.

- Ông Phan Thanh Tr trình bày: Đất mà gia đình ông đang sử dụng có nguồn gốc của Sư đoàn X1 cấp cho ông vào năm 1988, sau khi được cấp gia đình ông sử dụng ổn định và không có tranh chấp.

- Ông Ngô Văn Th5 trình bày: Năm 1984 ông khai hoang lô đất tại tổ dân phố 7, phường T1, thành phố B với diện tích khoảng 4.600m², đến năm 2010 ông cho hai con gái của ông mỗi người khoảng hơn 500m², số còn lại ông làm, đến năm 2017 Ủy ban nhân dân thành phố B có quyết định thu hồi đất, mặc dù không đồng ý nhưng với trách nhiệm của người công dân ông đã giao đất nhưng ông vẫn đang kiến nghị với Ủy ban nhân dân thành phố B để đảm bảo quyền lợi của ông. Hiện tại lô đất của ông không liên quan gì đến việc khởi kiện của các hộ nêu trên nên đề nghị Tòa án không triệu tập ông.

- Bà Vũ Thị Thanh B3 (vợ ông Nguyễn Văn D) trình bày: Đất mà gia đình bà đang sử dụng có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn T4 là cán bộ Sư đoàn X1, nguồn gốc đất của ông T được Sư đoàn X1 cấp đất cho Quân nhân, sau đó ông T chuyển nhượng cho gia đình bà và gia đình bà sử dụng ổn định và không có tranh chấp.

Đối với ông Nguyễn Quang S và ông Nguyễn Bằng Tr1 không cư trú tại địa chỉ mà người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cung cấp, địa phương cũng không xác định được những người này cư trú tại đâu nên không cung cấp cho Tòa án được.

Đối với ông Nguyễn Mạnh H2, bà Võ Thị Ng, ông Đào Duy T5, Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương đến nhà tổng đạt giấy báo của Tòa nhiều lần họ nhận giấy báo nhưng không ký nhận và từ chối làm việc với Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2018/HC-ST ngày 10-10-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 62, Điều 63, Điều 64, khoản 2 Điều 66, Điều 74, Điều 82 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Kế Th1, ông Nguyễn Kế P, ông Nguyễn Kế C, bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Huỳnh M, ông Bùi Thanh T, ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu hủy các Quyết định số: 5719/QĐ-UBND, số: 5728/QĐ-UBND, số: 5742/QĐ-UBND, số: 5744/QĐ-UBND, số: 5745/QĐ-UBND, số: 5746/QĐ-UBND, số: 5747/QĐ-UBND cùng ngày 17/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất tại tổ dân phố 7, phường T1, thành phố B và Quyết định số 5758/QĐ-UBND, ngày 17/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất tại tổ dân phố 7, phường T1, thành phố B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23/10/2018, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Phạm Thị Bích C3 kháng toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị Bích C3 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, theo hướng sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng hành chính; về nội dung vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, những người khởi kiện: Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Mộng Thuý, Nguyễn Kế C, Nguyễn Kế P, Huỳnh M vắng nhưng đã có mặt của người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị Bích C3; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Lưu Văn Khôi- Phó Chủ tịch UBND thành phố B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (văn bản số 3473/UBND-VP ngày 15/8/2019); những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[3] Xét yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số: 5719/QĐ-UBND, số: 5728/QĐ-UBND, số: 5742/QĐ-UBND, số: 5744/QĐ-UBND, số: 5745/QĐ-UBND, số: 5746/QĐ-UBND, số: 5747/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất tại tổ dân phố 7, phường T1, thành phố B thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguồn gốc đất mà các hộ gồm ông Nguyễn Kế Th1, bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Nguyễn Kế P, ông Nguyễn Kế C, ông Nguyễn Văn L, ông Huỳnh M, ông Bùi Thanh T đang quản lý sử dụng có nguồn gốc đất của Sư đoàn X1 quản lý. Ngày 21/06/1988, Bộ Quốc phòng - Binh đoàn X2 có Quyết định số 321/A-CB5 cho thành lập khu tập thể gia đình quân nhân ở Sư đoàn X1 (kèm theo bản đồ chi tiết). Ngày 23/4/1991 Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành Quyết định của Tổng tham mưu về vị trí đóng quân của Sư đoàn X1 Binh đoàn X2 (có kèm sơ đồ). Ngày 07/6/1997, Binh đoàn X2, Sư đoàn X1 có biên bản số 338/BB về việc tạm thời bàn giao đất Quốc phòng cho địa phương quản lý (có sơ đồ kèm theo). Ngày 25/12/1998, Bộ Quốc phòng có Công văn số 4063/QP v/v giao đất Quốc phòng cho UBND tỉnh Đắk Lắk (có sơ đồ kèm theo). Ngày 29/03/1999, Chính phủ ban hành Quyết định số 354/GĐ-TTg về việc thu hồi đất Quốc phòng tại tỉnh Đắk Lắk. Ngày 12/04/1999 Bộ Quốc phòng có Công văn số 206/TCT-HC về việc bàn giao đất Quốc phòng cho địa phương; Đến ngày 09/07/1999 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1667/QĐ-UB về việc giao 85.407m² quyền sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân thành phố B và phường T1 quản lý (có sơ đồ kèm theo). Ngày 03/08/2015, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 3817/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án: XDCHST khu đất tại Tổ dân phố 7, phường T1, thành phố B; Để Thực hiện Quyết định phê duyệt Dự án, ngày 17/10/2017 Ủy ban nhân dân TP.B ban hành Quyết định số 5745/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 915,5m² đất của bà Nguyễn Thị Mộng Th, ban hành Quyết định số 5746/QĐ-UBND thu hồi diện tích 1.118,4m² đất của ông Nguyễn Kế C, ban hành Quyết định số 5728/QĐ-UBND thu hồi diện tích 3.399,5m² đất của ông Nguyễn Kế Th1, ban hành Quyết định số 5747/QĐ-UBND thu hồi diện tích 1.353m² đất của ông Nguyễn Kế P, ban hành Quyết định số: 5742/QĐ- UBND thu hồi diện tích 1.137,8m² đất của ông Bùi Thanh T, ban hành Quyết định số: 5744/QĐ-UBND thu hồi diện tích 1.439m² đất của ông Huỳnh M, ban hành Quyết định số: 5719/QĐ-UBND thu hồi diện tích 432,7m², đất của ông Nguyễn Văn L để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 7, phường T1.

Người khởi kiện cho rằng nguồn gốc đất họ bị thu hồi có nguồn gốc là của họ khai hoang, sử dụng ổn định không có tranh chấp, tuy nhiên họ không đưa ra được giấy tờ, chứng cứ chứng minh là đất khai hoang. Mặt khác, căn cứ vào biên bản xác minh nguồn gốc đất lập ngày 08/3/2017(BL- 365) của Đoàn xác minh gồm đại diện Chi nhánh trung tâm phát triển quỹ đất TP.B, đại diện Ủy

ban nhân dân phường T1 xác định: Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Kế Th1, ông Nguyễn Kế P, ông Nguyễn Kế C, bà Nguyễn Thị Mộng Th là đất của Sư đoàn X1 quản lý, năm 1991 ông Th1 lần chiếm sử dụng, đến năm 2010 ông Th1 chia cho các con là Nguyễn Kế P, Nguyễn Kế C, Nguyễn Thị Mộng Th. Nguồn gốc đất của ông Huỳnh M là đất của Sư đoàn X1, năm 1991 ông Huỳnh M lần chiếm sử dụng. Nguồn gốc đất của ông Bùi Thanh T là đất của Sư đoàn X1, năm 1991 ông Đinh Văn C4 lần chiếm đất sử dụng, năm 1995 ông C4 chuyển nhượng lại một phần diện tích đất cho ông T. Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn L là đất của Sư đoàn X1, năm 1991 ông Trần Hữu L1 lần chiếm đất sử dụng, đến năm 1995 ông L1 chuyển nhượng cho bà Mai Thị V1, trong năm 1995 bà V1 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn L. Do vậy, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành các Quyết định số 5719/QĐ-UBND; số: 5728/QĐ-UBND; số: 5742/QĐ-UBND; số: 5744/QĐ-UBND; số: 5745/QĐ-UBND; số: 5746/QĐ-UBND; số: 5747/QĐ-UBND cùng ngày 17/10/2017 để thu hồi diện tích đất lần chiếm của các hộ Nguyễn Kế Th1, Nguyễn Kế P, Nguyễn Kế C, Nguyễn Thị Mộng Th, Huỳnh M, Bùi Thanh T, Nguyễn Văn L là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 5758/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất tại tổ dân phố 7, phường T1, thành phố B vì người khởi kiện ông Nguyễn Kế Th1, ông Nguyễn Kế P, ông Nguyễn Kế C, bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Huỳnh M, ông Bùi Thanh T, ông Nguyễn Văn L cho rằng Ủy ban nhân dân TP.B thu hồi đất mà không bồi thường về giá trị quyền sử dụng đất thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Người khởi kiện cho rằng đất này là họ khai hoang nhưng không có giấy tờ, chứng cứ chứng minh đất họ khai hoang, mà nguồn gốc đất là của Sư đoàn X1. Ngày 29/03/1999, Chính phủ ban hành Quyết định số 354/GĐ-TTg về việc thu hồi đất Quốc phòng tại tỉnh Đắk Lắk. Ngày 12/04/1999 Bộ Quốc phòng có Công văn số 206/TCT-HC về việc bàn giao đất Quốc phòng cho địa phương; Đến ngày 09/07/1999 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1667/QĐ-UB về việc giao 85.407m² quyền sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân thành phố B và phường T1 quản lý, các hộ dân tự lần chiếm đất sử dụng. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 82 Luật đất đai 2013 quy định các trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: “Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 (điểm d khoản 1 Điều 64 quy định: Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn chiếm) và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của luật này. Do vậy, việc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 5758/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 không bồi thường về giá trị quyền sử dụng đất cho các hộ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét về thẩm quyền ban hành các quyết định bị khởi kiện: QĐ 5719; 5728; 5742; 5744; 5745; 5746; 5747 và Quyết định số 5758/QĐ-UBND cùng ngày 17/10/2017 của UBND thành phố B. Theo khoản 2 Điều 66 Luật đất đai 2013 quy định: UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư. Sau khi ban hành các quyết định thu hồi đất đã tiến hành lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho các hộ là đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy các Quyết định số: 5719/QĐ-UBND; số: 5728/QĐ-UBND; số: 5742/QĐ-UBND; số: 5744/QĐ-UBND; số: 5745/QĐ-UBND; số: 5746/QĐ-UBND; số: 5747/QĐ-UBND cùng ngày 17/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất tại tổ dân phố 7, phường T1, thành phố B và Quyết định số 5758/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất tại tổ dân phố 7, phường T1, thành phố B là không có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm, bác toàn bộ kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm hành chính: Do kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện – bà Phạm Thị Bích C3, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 62, Điều 63, Điều 64, khoản 2 Điều 66, Điều 74, Điều 82 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Áp dụng Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Kế Th1, ông Nguyễn Kế P, ông Nguyễn Kế C, bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Huỳnh M, ông Bùi Thanh T, ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu hủy các Quyết định số: 5719/QĐ-UBND; số: 5728/QĐ-UBND; số: 5742/QĐ-UBND; số: 5744/QĐ-UBND; số: 5745/QĐ-UBND; số: 5746/QĐ-UBND; số: 5747/QĐ-UBND cùng ngày 17/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất tại tổ dân phố 7, phường T1, thành phố B và Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất tại tổ dân phố 7, phường T1, thành phố B.

2. Về án phí phúc thẩm hành chính: Bà Phạm Thị Bích C3 phải chịu 300.000đ án phí Hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0010731 ngày 29/10/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra III - TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường